

Bản án số 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp

nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYỀN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nguyệt

Bà Triệu Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐXX-ST, ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lù Thị L, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh T. Căn cước công dân số 002302002202, cấp ngày 28/12/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ly Văn H; sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh T. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là chị Lù Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị L và anh Ly Văn H tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh T vào ngày 23/11/2020. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do bất đồng về quan điểm sống, không có được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc đến nhau, không cảm thông và sẻ chia mọi công việc cùng nhau. Tính đến nay, chị L và anh H đã sống ly thân được 3 năm, vợ chồng sống mỗi người sống một nơi. Nay tình cảm không còn nên chị L xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống trước khi đăng ký kết hôn, chị L và anh H có 01 người con chung tên là Ly Minh L1, sinh ngày 26/3/2019. Sau khi đăng ký kết hôn vào năm 2020 thì anh Ly Văn H đi đăng ký khai sinh cho con chung có ghi tên bố là Ly Văn H và mẹ là Lù Thị L. Khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh sự vắng mặt của anh H và được Công an xã T cho biết anh H có hộ khẩu thường trú và sinh sống ở xã T. Anh H vắng mặt tại địa phương để đi làm thuê một thời gian ngắn rồi lại về thăm gia đình và sinh sống tại địa phương. Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 20 tháng 6 năm 2025, Tòa án có nhận 01 văn bản ý kiến trong đó có nêu tên người viết là Ly Văn H. Anh H nêu đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án. Anh H đề nghị Tòa án dừng lại một thời gian khi nào chị L trả được sính lễ cưới hỏi và số tiền lợn, gà vịt trước đây gia đình anh H mang đi sang gia đình chị L khi cưới hỏi thì anh H mới nhất trí ly hôn. Trong văn bản anh H không nêu nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung. Ngày 19 tháng 8 năm 2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh H tại địa phương được biết: chị L và anh H đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn gia đình và hiện nay anh H và chị L đã sống ly thân với nhau được khoảng 3 năm nhưng do cả hai đều thường xuyên đi làm ở xa nhà nên chính quyền cũng không được hòa giải cho hai vợ chồng. Bà Lù Thị N là mẹ đẻ anh H cho biết: Anh H và chị L đăng ký kết hôn và chung sống với nhau có 01 con chung hiện đi theo chị L và được bà ngoại cháu giúp chăm sóc. Chị L và anh H đã ly thân khoảng 3 năm. Mặc dù gia đình đã hòa giải nhưng chị L và anh H vẫn không chung sống cùng nhau. Khi biết chị L yêu cầu ly hôn thì hai bên gia đình đã thống nhất cho các con ly hôn, hai bên gia đình đã tự thỏa thuận trao trả nhau các vật sính lễ và không còn vướng mắc gì giữa các bên. Về con chung vẫn được chăm sóc tốt, Tòa án giao cho bên nào thì bà cũng không có ý kiến gì và ông bà vẫn giúp chăm sóc cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị L được ly hôn anh Ly Văn H. Về con chung: Giao con chung cho chị Lù Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ly Minh L1, sinh ngày 26/3/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Ly Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lù Thị L khởi kiện yêu cầu tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung với anh Ly Văn H. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H đều vắng mặt. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn là chị Lù Thị L và các biên bản xác minh tại xã T thấy rằng: Chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh H nay là xã T, tỉnh T. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng có chung sống cùng nhau sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Giữa chị L và anh H không có sự đồng cảm và sẻ chia với nhau trong cuộc sống, không quan tâm đến nhau, đã ly thân từ năm 2022 đến nay, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét ý kiến của anh H là khi nào gia đình chị L trả lễ cưới mới nhất trí ly hôn thấy rằng đây là nội dung trái với quy định tại mục 7 phần II, Phụ lục danh mục các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng được ban hành kèm theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ. Trong đó nêu rõ cấm áp dụng “7. Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn”. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được.” Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lù Thị L theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có một con chung tên là Ly Minh L1, sinh ngày 26/3/2019. Khi ly hôn, chị Lù Thị L yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ly Minh L1, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Ly Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Qua biên bản xác minh tại địa phương cho thấy từ khi vợ chồng ly thân thì con vẫn ở cùng chị L và được chăm sóc tốt, con còn nhỏ và tiếp tục ở với chị L sẽ giúp con được ổn định cuộc sống. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị L về con chung. Giao cho chị Lù Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Ly Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, anh H không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Lù Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã T, huyện H, tỉnh H nay là xã T, tỉnh T. Trong quá trình thụ lý vụ án, chị L có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, Tòa án miễn tạm ứng án phí và án phí cho chị L vì chị L thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị L. Tuyên xử cho chị Lù Thị L được ly hôn anh Ly Văn H.

Về con chung: Chị Lù Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ly Minh L1, sinh ngày 26/3/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Ly Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lù Thị L được miễn án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Thành Tín;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt Triệu Thị Liên

Nguyễn Thị Khuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 - TQ;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Thành Tín;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Hưởng

Hoàng Thị Nguyệt

Nguyễn Thị Khuyên

